

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 15-12-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Đội 3, thôn Đ2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Quý T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Quý T1 từ đầu năm 2009 nhưng đến ngày 11 tháng 12 năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện K (Giấy chứng nhận kết hôn số 84). Giữa năm 2018 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T1 ham chơi bài bạc và không chung thủy tình cảm với chị, từ đó vợ thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị mang con nhỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xã Đ, huyện K từ tháng 3 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Quý Khánh L, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2009; Nguyễn Quý Khánh S, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2019. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu N; anh T1 đang nuôi dưỡng cháu L và cháu S. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi đủ 18 tuổi, đồng ý để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu S đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do chị nuôi một con, anh T1 nuôi hai con nên chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi một con (cháu L) cho anh T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Quý T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 15/10/2021 trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, anh ham chơi, không chung thủy, không quan tâm đến chị T nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, chị T đã mang con nhỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung như chị T đã trình bày. Hiện nay anh đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quý Khánh L và cháu Nguyễn Quý Khánh S; chị T đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu S đến khi các cháu đủ 18 tuổi; đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T1 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70,71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T, cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quý T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Quý Khánh L, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Quý Khánh S, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2012 cho anh Nguyễn Quý T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L cho anh T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quý T1 có đăng ký kết hôn từ năm 2009. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị T đã về nhà mẹ ở tại xã Đ, huyện K; anh T1 vẫn cư trú tại xã T, huyện K. Tháng 10/2021 chị T nộp đơn xin ly hôn anh T1 và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Quý T1 (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T xin ly hôn, anh Nguyễn Quý T1 xin đoàn tụ; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Quý T1 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, anh T1 ham chơi, không chung thủy, không quan tâm vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị T đã mang con nhỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T1.

[4] Về nuôi con chung: Nguyên vọng của chị T và anh T1 thống nhất chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2019 đến khi đủ 18 tuổi; anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quý Khánh L, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Quý Khánh S, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2012 đến khi các cháu đủ 8 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của đương sự, ý kiến trình bày của đại diện gia đình hai bên đương sự cũng như chính quyền xã T cung cấp thì chị T làm nghề công nhân, thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở ổn định; anh T1 làm nghề tự do, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định; khi chị T mang cháu N về nhà mẹ đẻ ở, để lại cháu L, cháu S cho anh T1 nuôi dưỡng, cả hai bên trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đều có sự giúp đỡ của người thân trong gia đình nên cuộc sống của các cháu đều được đảm bảo, đầy đủ; nguyện vọng của cháu L và cháu S được ở với anh T1; cháu N dưới 36 tháng tuổi. Do đó cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu L, cháu S cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; tại bản khai, anh T1 xác định giữa anh chị sẽ tự thỏa thuận, giao nhận với nhau; tuy nhiên tại phiên hòa giải, anh T1 vắng mặt. Nay chị T vẫn giữ nguyên nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu L cho anh T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu L đủ 18 tuổi Xét sự tự nguyện của chị T là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quý T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Quý Khánh L, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Quý Khánh S, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2012 cho anh Nguyễn Quý T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L cho anh T1 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Quý T1 đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Quý T1 mà chị Vũ Thị T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001564 ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Quý T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Dịu**